TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 15/2023/DS-ST Ngày: 30 - 3 - 2023 V/v: Yêu cầu di dời đường điện	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Công Đạt;
2. Ông Y Mưng Niê.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:* Ông y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về "Yêu cầu di dời đường điện" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-DS ngày 14/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, bà Dương Thị T; Địa chỉ: Thôn T, xã Ch, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: Thôn Q, xã Ch, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Dương Thị T trình bày: Ông Nguyễn Văn H là chủ đầu từ trạm cung cấp điện ở khu vực Đội 7, nông trường cao su xã Ch, thuộc thôn L, xã Ch. Ở khu vực này vợ chồng tôi có diện tích đất rẫy như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, diện tích 34.879,3m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 092948 do UBND

huyện Krông Búk cấp ngày 14/4/2011 đứng tên vợ chồng tôi. Trên đất trồng cà phê, sầu riêng, tiêu…; trong đó phần trồng tiêu khoảng 0,6ha, phần còn lại trồng cà phê, sầu riêng.

Trong quá trình xây dựng đường dây điện, vào khoảng đầu năm 2016 giữa vợ chồng tôi và ông H có thỏa thuận với nhau bằng miệng (không có giấy tờ, văn bản gì) về việc ông H cung cấp điện cho chúng tôi sử dụng tưới tiêu đối với 0,6ha tiêu tại khu vực này; với điều kiện vợ chồng tôi đồng ý với cho ông H chôn 4 trụ điện nằm trong phần diện tích đất rẫy nói trên của chúng tôi. Về phía chúng tôi có trách nhiệm đóng tiền phí xây dựng ban đầu cho ông H đối với diện tích 0,6ha tiêu, với số tiền là 9.000.000 đồng (chi phí xây dựng đường điện ban đầu là 15.000.000 đồng/ha). Vì lý do diện tích cà phê, sầu riêng của tôi ngoài diện tích 0,6ha tiêu nói trên đã giao khoán cho người khác tưới cho nên chúng tôi không có nhu cầu sử dụng điện cho việc tưới cà phê, sầu riêng ở phần diện tích đất rẫy còn lại. Sau khi ông H chôn trụ điện xong, ông H cho chúng tôi sử dụng điện từ tháng 9/2016 đến tháng 4/2019 thì bất ngờ cắt điện không cho chúng tôi sử dụng nữa. Ông H yêu cầu chúng tôi phải đóng đầy đủ số tiền chi phí xây dựng đường điện ban đầu đối với 4ha đất tương đương với số tiền 70.000.000 đồng thì mới đồng ý cho chúng tôi tiếp tục sử dụng điện; trong khi chúng tôi không sử dụng điện cho mục đích tưới cà phê, sầu riêng ở diện tích đất còn lại là 2,9ha.

Sau khi bị cắt điện tôi đã làm đơn gửi UBND xã Ch. Tại biên bản làm việc ngày 21/4/2020 của UBND xã Ch ông H cam kết chậm nhất 30 ngày kể từ ngày lập biên bản ông H sẽ có trách nhiệm di dời 04 trụ điện có đặc điểm nói trên ra khỏi đất của chúng tôi. Tuy nhiên đến nay ông H vẫn chưa thực hiện. Vì vậy chúng tôi yêu cầu ông H phải di dời 04 trụ điện ra khỏi đất của tôi; có đặc điểm: Trụ vuông, được làm bằng bê tông cốt thép, có kích thước phía chân trụ 40cm x 40 cm; kích thước phần đỉnh trụ 20cm x 20cm; chiều cao của trụ điện khoảng 25m; Phần chân đế trụ bằng bê tông, xây dựng trên đất của tôi có kích thước 1,5m x 1,5m, sâu khoảng 1,5m; bao gồm cả hệ thống dây điện 03 pha phía trên.

Trường hợp việc di dời đối với 04 trụ điện gặp khó khăn thì tôi sẽ tạo điều kiện cho ông H không phải di dời 04 trụ điện nói trên, với điều kiện:

Thứ nhất, ông H phải bồi thường thiệt hại cho chúng tôi từ thời điểm ông H cắt điện của chúng tôi đến nay (từ tháng 4/2019 đến tháng 4/2022 là 03 năm) với số tiền cụ thể 1.500.000 đồng/năm/trụ x 4 trụ x 3 năm = 18.000.000 đồng.

Thứ hai, ông H phải thuê đất của chúng tôi để làm trụ điện với số tiền như sau: 1.500.000 đồng/trụ/năm x 4 trụ; Thời gian thuê mỗi chu kỳ ít nhất đủ 05 năm.

Thứ ba, phải cho chúng tôi là người tiếp tục được sử dụng điện từ đường dây điện của ông H và không phải nộp khoản chi phí ban đầu cho ông H. Chúng tôi chỉ phải nộp tiền điện thực tế theo đồng hồ công tơ điện.

Thứ tư, trong quá trình sử dụng đường dây điện, ông H có trách nhiệm đảm bảo an toàn về điện, không làm ảnh hưởng đến cây trồng trên đất của chúng tôi. Đường dây điện không được sa võng xuống, làm ảnh hưởng đến cây trồng trên đất.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Vào tháng 02 năm 2015 thì tôi có đại diện cho một số hộ dân trong thôn L hợp đồng với Sở điện lực tỉnh Đắk Lắk để kéo đường dây điện và bơm cà phê, có hợp đồng, tôi đứng là người đứng ký hợp đồng. Trong đó, gia đình ông S có nhu cầu kéo điện nên có nói tôi kéo điện đến cho gia đình sử dụng. Tôi có trao đổi bằng miệng với ông S về việc tôi dựng 04 trụ điện trên đất của ông S, bà T thì mới có điện để sử dụng. Gia đình ông S đồng ý nên tôi đã dựng 04 trụ điện vào năm 2015. Giữa tôi và ông S không thỏa thuận về việc gia đình ông S sử dụng điện mà không phải trả tiền phí mặt bằng. Cho nên sau 04 năm gia đình ông S không chịu trả tiền mặt bằng thì tôi đã phải cắt điện. Nay ông S, bà T khởi kiện yêu cầu di dời 04 trụ điện thì tôi chưa đồng ý vì còn liên quan đến các hộ dân sử dụng điện khác. Sau khi tôi họp các hộ dân sử dụng đường dây điện lại để thống nhất phương án có hay không việc di dời 04 trụ điện. Giữa tôi và gia đình ông S không có văn bản nào thỏa thuận về việc dựng 04 trụ điện và sử dụng điện mà chỉ trao đổi bằng miệng. Và khi trao đổi bằng miệng cũng không có việc thỏa thuận là cho sử dụng miễn phí. Ông S, bà T khởi kiện yêu cầu tôi phải di dời 04 trụ điện thì tôi đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; trường hợp phải di dời 04 trụ điện thì phải cúp điện và cắt dây điện. Đường dây điện này là do tôi đứng ra chủ trì để xây dựng nên tôi đứng ra chịu trách nhiệm nếu có phát sinh trong việc phải di dời 04 trụ điện, còn các hộ dân có sử dụng đường dây điện thì không liên quan trong vụ án này, đó là quan hệ giữa tôi và các hộ dân khác. Ngoài ra, đặc điểm của 04 trụ điện không giống như đơn ông S, bà T trình bày, mà thực tế như theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án

cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H phải di dời 04 trụ điện và hệ thống đường dây điện 03 pha trên 04 trụ điện ra khỏi thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, diện tích 34.879,3m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 092948 do UBND huyện Krông Búk cấp ngày 14/4/2011 đứng tên ông Nguyễn Văn S, bà Dương Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp yêu cầu di dời đường điện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và các tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Vào năm 2015, năm 2016, ông H có ký kết hợp đồng với Sở điện lực tỉnh Đắk Lắk để được đứng ra chịu trách nhiệm kéo đường điện phục vụ cho việc tưới nước cây trồng của những người dân tại thôn L, xã Ch, huyện K. Ông H và ông S có trao đổi với nhau về việc ông H sẽ được dựng 04 trụ điện bê tông trong thửa đất của ông S, bà T là thửa số 01, tờ bản đồ số 02, diện tích 34.879,3m^2, tại thôn L, xã Ch, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 092948 do UBND huyện Krông Búk cấp ngày 14/4/2011, để kéo đường điện 03 ha phục vụ cho việc tưới cây trồng trên đất của ông S, bà T. Hai bên đều thừa nhận có việc thoả thuận bằng miệng với nhau về việc ông H sẽ dựng 04 trụ điện trong đất của ông S, bà T. Việc thoả thuận không được lập thành văn bản, chỉ thoả thuận miệng với nhau nhưng được coi là một giao dịch dân sự làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi thoả thuận thì ông H đã dựng 04 trụ điện trên thửa đất của ông S, bà T và ông S, bà T cũng đã sử dụng đường điện để phục vụ cho việc tưới nước cây trồng. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện mỗi trụ điện có đặc điểm như sau: Trụ bê tông, chiều cao 6,5m, đầu trụ kích thước 10 cm x 10 cm, chân trụ kích thước 22 cm x 18 cm; khoảng cách mỗi trụ điện cách nhau 40m; bên trên trụ điện

là đường dây điện 03 pha; hiện trạng không ghi nhận cây cà phê nào bị chặt, bị chết dưới chân trụ điện.

Quá trình sử dụng điện đến năm 2019 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, cụ thể, theo ông H, bà T trình bày thì giữa ông H và ông S thoả thuận ông H chôn 04 trụ điện trên đất của ông S, bà T nên ông H sẽ cung cấp điện cho ông S, bà T sử dụng để tưới 0,6ha tiêu, ông S, bà T có trách nhiệm đóng tiền phí xây dựng ban đầu ông H với số tiền là 9.000.000 đồng đối với diện tích 0,6ha tiêu (chi phí xây dựng đường điện ban đầu là 15.000.000 đồng/ha). Còn diện tích cà phê, sầu riêng ngoài diện tích 0,6ha tiêu nói trên thì ông bà đã giao khoán cho người khác tưới cho nên không có nhu cầu sử dụng điện cho việc tưới cà phê, sầu riêng ở phần diện tích đất rẫy còn lại. Nên đến năm 2019 ông H yêu cầu ông S, bà T phải đóng đầy đủ số tiền chi phí xây dựng đường điện ban đầu đối với gần 4ha đất tương đương với số tiền 70.000.000 đồng thì mới đồng ý cho tiếp tục sử dụng điện nên ông S, bà T không đồng ý. Còn theo ông H trình bày ông H không thỏa thuận với ông S về việc cho gia đình ông S sử dụng điện để tưới mà không phải trả tiền phí mặt bằng ban đầu, cũng không thoả thuận về việc ông S, bà T chỉ sử dụng điện để tưới cho 0,6 ha tiêu, chỉ phải trả số tiền mặt bằng của 0,6 ha tiêu.

Do thoả thuận giữa hai bên chỉ bằng lời nói, không thoả thuận rõ ràng với nhau, không được lập thành văn bản; các bên không thoả thuận rõ với nhau về thời gian được dựng trụ trên đất, điều kiện để được dựng trụ; cả hai bên đều không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét chấp nhận lời trình bày của bên nào là đúng.

Ông S, bà T yêu cầu chấp dứt việc cho ông H dựng 04 trụ điện trên đất, yêu cầu di dời trụ điện ra khỏi đất; trường hợp ông H không muốn di dời 04 trụ điện thì ông H phải bồi thường thiệt hại với số tiền 18.000.000 đồng và ông H phải thuê đất của ông S, bà T dựng trụ điện với số tiền như sau: 1.500.000 đồng/trụ/năm x 4 trụ; Thời gian thuê mỗi chu kỳ ít nhất đủ 05 năm; đồng thời phải cho ông S, bà T là người tiếp tục được sử dụng điện từ đường dây điện của ông H và không phải nộp khoản chi phí ban đầu, chỉ phải nộp tiền điện thực tế theo đồng hồ công tơ điện; tuy nhiên ông H không đồng ý với những yêu cầu trên của ông S, bà T mà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ quy định tại Điều 169, Điều 267, Điều 268, Điều 269, Điều 270, Điều 271, khoản 5 Điều 272, Điều 273 Bộ luật Dân sự 2015

quy định về "Quyền bề mặt"; trong đó tại Điều 273 quy định về Xử lý tài sản khi quyền bề mặt chấm dứt:

"1. Khi quyền bề mặt chấm dứt, chủ thể quyền bề mặt phải trả lại mặt đất, mặt nước, khoảng không gian trên mặt đất, mặt nước và lòng đất cho chủ thể có quyền sử dụng đất theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ thể quyền bề mặt phải xử lý tài sản thuộc sở hữu của mình trước khi quyền bề mặt chấm dứt, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Trường hợp chủ thể quyền bề mặt không xử lý tài sản trước khi quyền bề mặt chấm dứt thì quyền sở hữu tài sản đó thuộc về chủ thể có quyền sử dụng đất kể từ thời điểm quyền bề mặt chấm dứt, trừ trường hợp chủ thể có quyền sử dụng đất không nhận tài sản đó.

Trường hợp chủ thể có quyền sử dụng đất không nhận tài sản mà phải xử lý tài sản thì chủ thể có quyền bề mặt phải thanh toán chi phí xử lý tài sản."

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu ông S, bà T về việc buộc ông H phải di dời 04 trụ điện có đặc điểm như trên ra khỏi thửa đất của ông S, bà T là có căn cứ.

[3] Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn H phải hoàn trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 4.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn S, bà Dương Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 158, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch; hoàn trả cho ông S, bà T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 158, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 169, Điều 267, Điều 268, Điều 269, Điều 270, Điều 271, khoản 5 Điều 272, Điều 273 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Dương Thị T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H phải di dời 04 trụ điện và hệ thống đường dây điện 03 pha trên 04 trụ điện ra khỏi thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, diện tích 34.879,3m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 092948 do UBND huyện Krông Búk cấp ngày 14/4/2011 đứng tên ông Nguyễn Văn S, bà Dương Thị T.

Mỗi trụ điện có đặc điểm: Trụ bê tông, chiều cao 6,5m, đầu trụ kích thước 10 cm x 10 cm, chân trụ kích thước 22 cm x 18 cm; khoảng cách mỗi trụ điện cách nhau 40m.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán toàn bộ chi phí di dời 04 trụ điện và đường dây điện 03 pha phát sinh.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H phải hoàn trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 4.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn S, bà Dương Thị T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Dương Thị T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 60AA/2021/0007799 ngày 06/4/2022 và số tiền 450.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 60AA/2021/0008618 ngày 27/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Búk;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Thái Văn Hải